

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833101] - Hệ thống sản xuất linh
hoạt (FMS) (CCQ2215A)

CBGD: Nguyễn Lê Nhứt Tuyên (280036)

Số SV có mặt: 19...

Số bài thi: 19...

Số tờ giấy thi: 19...

N.L.N.Tuyên

Đ.P.A.N

N.L.N.Tuyên

Đ.P.L.N

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150002	Trương Thanh	Bình	07/10/2003	CCQ2215A		8,0	8,0	8,0
2	2122150090	Nguyễn Văn	Chương	17/04/2004	CCQ2215C		8,0	8,5	8,3
3	2122150026	Hoàng Nguyễn Nhật	Đăng	09/08/2004	CCQ2215A		7,5	7,0	7,2
4	2122150027	Lữ Phan Thành	Đạt	12/02/2004	CCQ2215A		8,2	8,3	8,3
5	2122150046	Nguyễn Văn	Định	10/11/2004	CCQ2215C		8,2	9,0	8,7
6	2122150024	Huỳnh Thanh	Hào	02/03/2004	CCQ2215A		9,0	9,0	9,0
7	2122150021	Hoàng Văn	Huấn	06/06/2004	CCQ2215A		8,2	8,3	8,3
8	2122150057	Huỳnh Huy	Hùng	17/08/2004	CCQ2215C		8,2	8,5	8,4
9	2122150032	Vì Tuấn	Hùng	21/03/2004	CCQ2215A		8,2	8,5	8,4
10	2122150054	Đặng Quang	Huy	08/04/2003	CCQ2215C		8,0	8,8	8,5
11	2122150045	Nguyễn Tấn	Huy	24/01/2004	CCQ2215C		7,5	8,3	8,0
12	2122150020	Trần Minh	Khôi	30/07/2001	CCQ2215A		8,9	9,0	9,0
13	2122150099	Phan Văn	Kiệt	23/05/2004	CCQ2215C		9,2	8,8	9,0
14	2122150101	Nguyễn Minh	Lý	28/12/2003	CCQ2215A		8,3	8,3	8,3
15	2122150011	Lê Quốc	Mạnh	16/01/2004	CCQ2215A		7,2	7,5	7,4
16	2122150029	Cao Huỳnh Thái	Son	20/07/2004	CCQ2215B		9,3	9,5	9,4
17	2122150016	Nguyễn Xuân	Thịnh	28/06/2004	CCQ2215B		9,2	9,5	9,4
18	2122150085	Võ Đức	Thịnh	16/11/2004	CCQ2215D		8,7	9,0	8,9
19	2122150056	Phan Văn	Vi	06/11/2004	CCQ2215D		8,0	8,0	8,0